TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN** Bản số: **14**/2023/HNGĐ - ST Ngày: 29/03/2023 ***"****V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Lành

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2023 tại hội trường, Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc : "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:13/2023/QĐSTHNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977

HKTT: Xóm 7, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

***Bị đơn**: Anh Lê Văn Tn, sinh năm 1973

HKTT: Xóm Sơn Cẩm, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt chị T, anh Tn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản hòa giải nguyên đơn chị Chu Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn Tn kết hôn năm 2017 có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Nhi, sinh ngày 29/01/2017.

Lý do chị T xin ly hôn với anh Tn**:** Trong quá trình chung sống vợ chồng có rất nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên vợ

chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cãi cọ lẫn nhau, dẫn đến có nhiều áp lực trong cuộc sống. Chị và anh Tn đã ly thân nhau từ tháng 11/2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau Nay chị T xác định không còn tình cảm gì với anh Tn, yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Khi ly hôn, chị T đề nghị được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh Tn cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết về việc này.

Tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai bị đơn anh Lê Văn Tn trình bày trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên. Quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đã ly thân nhau từ tháng 11/2022 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh nhất trí xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh nhất trí để chỉ T được nuôi con Nguyễn Thị Nhi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị đề nghị tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản - công nợ chung**:** Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê Văn Tn, anh Tn đã nhận các văn bản tố tụng và viết bản tự khai, Toà án tiến hành tống đạt thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, anh Tn đã nhận thông báo, tuy nhiên anh Tn có đơn yêu cầu được giải quyết và xét xử vắng mặt anh tại Tòa án và tại phiên tòa. Ngoài ra anh Tn không có yêu cầu phản tố, không có đề nghị gì khác.

Do đó Toà án đã không tiến hành hoà giải được cho các đương sự và cùng nhau thỏa thuận được các nội dung để giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ quan điểm yêu cầu được ly hôn với anh Tn, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm, về con chung, chị yêu cầu được nuôi con chung, không có đề nghị anh Tn cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh Tn vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, về nội dung vụ án, anh Tn nhất trí ly hôn với chị T, xác định tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung, anh nhất trí để chị T trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tn tại phiên tòa.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố

tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định; Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 điều 228 xét xử vắng mặt anh Tn tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Lê Văn Tn.

Về con chung: Giao con chung cho cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

Về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho anh Tn theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Tn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Tn.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Tn kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo chị T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không cảm thông chia sẻ được với nhau trong cuộc sống, nên tình cảm vợ chồng đã dần lạnh nhạt và không còn quan tâm đến nhau nữa, tháng 11/2022 chị đã sống ly thân với anh Tn từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc yêu cầu được ly hôn với anh Tn. Anh Tn cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị T. Tại phiên toà chị T vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu được ly hôn với anh Tn, anh Tn vắng mặt tại phiên toà, nhưng quan điểm tại bản tự khai cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Tn là phù hợp với thực tế và Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3]**.** Về con chung: Trước khi kết hôn anh Tn và chị T chung sống với nhau như vợ chồng và có 01 con chung, Nguyễn Thị Nhi,sinh ngày 29/01/2017, thời điểm làm giấy khai sinh cho con anh chị chưa đăng ký kết hôn, sau đó đến ngày 11/05/2017 anh chị mới làm thủ tục đang ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Sơn Cẩm. Chị T và anh Tn đều xác định cháu Nguyễn Thị Nhi là con chung của vợ chồng. Khi ly hôn chị T đề nghị được nuôi con, anh Tn cũng nhất trí để chị T được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, con chung của chị T và anh Tn còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và theo quy định của Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con chung Nguyễn Thị Nhi, sinh ngày 29/01/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

" 1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

[4]. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu giải quyết. Do đó về phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Tn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết tại phiên tòa ngày hôm nay. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung thì khởi kiện bằng vụ án khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[6]. Về án phí**:** Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm,

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; Các Điều 51, 55, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho chị T được ly hôn với anh Lê Văn Tn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/01/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Tn có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000620 ngày 14/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnhTN;
- Đương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Thư

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán, chủ toạ phiên toà:*Bà Nguyễn Thị Thu Hà

** Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Vào hồi 09 giờ, ngày 07/5/2019 tại Phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tn Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Dương Anh Dũng, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tn Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hà, cho chị Hà được ly hôn với anh Dương Anh Dũng.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Dương Đức Anh, sinh ngày 28/9/2009 và Dương Khánh Ly, sinh ngày 04/5/2014, cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Dũng được quyền đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị Hà không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Hà phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số 0007208 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Hà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**